

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Kèm theo

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	[2] - [4]
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	[5] - [6]
3. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	[7] - [8]
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	[9]
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	[10-11]
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ chọn lọc	[12] - [39]

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 14 tháng 07 năm 2015.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
- Ông Đỗ Trần Mai	Thành viên
- Bà An Hà My	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Tuấn Kinh	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm kể từ ngày 15/06/2018) (i)
- Ông Nguyễn Quốc Quyền	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm kể từ ngày 01/06/2018) (ii)

(i) Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐQT ngày 16/05/2018 về việc miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á.

(ii) Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 16/05/2018 về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á.

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Bùi Thị Thanh Nam	Trưởng ban kiểm soát
- Ông Hoàng Trung Kiên	Thành viên
- Bà Lê Thị Thoa	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Công ty có công ty con như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	Lô J7, đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Hoài Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam	Số 59, đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

Công ty có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Sơn miền Bắc	59 Thiên Đức, TT. Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

5. Các khoản bất thường và các sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2018

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Sơn

Số: 103/2018/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2018

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á được lập ngày 29 tháng 08 năm 2018, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ chọn lọc cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hằng sơn Đông Á tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Trần Thị Nguyệt
Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0589-2018-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu số B 01a – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		139,632,004,855	148,885,563,616
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		26,451,192,034	70,301,263,112
1. Tiền	111	5.1	26,451,192,034	70,301,263,112
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70,216,147,757	47,703,332,168
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	29,090,483,232	24,095,783,247
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	4,356,019,825	3,831,898,500
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	2,833,720,887	2,583,720,887
4. Các khoản phải thu khác	136	5.5	34,764,509,814	18,020,515,535
5. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.7	(828,586,001)	(828,586,001)
III. Hàng tồn kho	140	5.6	38,673,257,223	28,772,967,903
1. Hàng tồn kho	141		38,673,257,223	28,772,967,903
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,291,407,841	2,108,000,433
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.12	3,996,388,846	2,101,675,692
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		288,130,854	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	6,888,141	6,324,741
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		89,509,504,863	77,993,552,671
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		163,200,000	163,200,000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	163,200,000	163,200,000
II. Tài sản cố định	220		32,927,958,427	26,104,078,059
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	29,934,086,166	22,764,695,377
- Nguyên giá	222		54,076,906,966	44,792,502,434
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24,142,820,800)	(22,027,807,057)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		2,969,074,861	3,310,564,082
- Nguyên giá	225		4,097,870,909	4,097,870,909
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1,128,796,048)	(787,306,827)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	24,797,400	28,818,600
- Nguyên giá	228		40,212,000	40,212,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15,414,600)	(11,393,400)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		292,914,466	286,595,466
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	292,914,466	286,595,466
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	50,243,483,384	45,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		50,243,483,384	45,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5,881,948,586	6,439,679,146
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	5,881,948,586	6,439,679,146
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		229,141,509,718	226,879,116,287

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 01a – DN

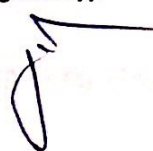
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		80.766.710.049	87.094.392.018
I. Nợ ngắn hạn	310		70.704.116.592	85.767.581.898
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	16.729.622.712	20.861.177.637
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	2.818.708.700	1.674.096.420
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	3.378.646.272	5.638.255.836
4. Phải trả người lao động	314		2.034.370.566	2.040.821.807
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		550.000.000	500.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	7.211.653.414	18.616.396.744
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	36.402.409.890	34.858.128.416
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.578.705.038	1.578.705.038
II. Nợ dài hạn	330		10.062.593.457	1.326.810.120
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	2.170.430.120	220.430.120
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	7.892.163.337	1.106.380.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.18	148.374.799.669	139.784.724.269
I. Vốn chủ sở hữu	410		148.374.799.669	139.784.724.269
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		115.000.000.000	115.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.000.000.000	115.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		41.545.455	41.545.455
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.043.178.814	12.099.319.177
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		9.290.075.400	12.643.859.637
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.146.466.686	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.143.608.714	12.643.859.637
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		229.141.509.718	226.879.116.287

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2018

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 02a – DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	68.559.225.026	52.602.992.888
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		68.559.225.026	52.602.992.888
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	40.665.787.111	30.109.998.257
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.893.437.915	22.492.994.631
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	9.347.191	11.599.824
7. Chi phí tài chính	22	6.5	3.211.178.331	737.871.051
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.439.896.886	737.871.051
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	13.993.551.564	14.053.915.216
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	5.263.634.507	4.118.631.363
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.434.420.704	3.594.176.825
11. Thu nhập khác	31	6.6	-	212.561.114
12. Chi phí khác	32	6.7	-	45.687.047
13. Lợi nhuận khác	40		-	166.874.067
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.434.420.704	3.761.050.892
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	1.289.062.020	566.211.575
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.145.358.684	3.194.839.317

Người lập

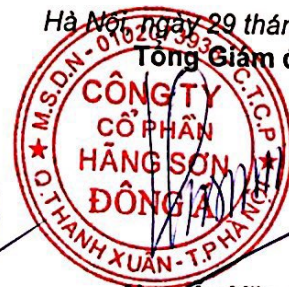
Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng

Hoàng Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**Mẫu số B 03 – DN**

Theo phương pháp gián tiếp

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5,434,420,704	3,761,050,892
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2,935,464,606	2,082,564,732
- Các khoản dự phòng	03		-	38,576,123
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9,347,191)	11,599,824
- Chi phí lãi vay	06		1,439,896,886	737,871,051
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(1,749,970)	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9,798,685,035	6,631,662,622
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17,405,043,157)	(3,231,367,723)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10,727,289,320)	(27,960,380,362)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1,551,577,289)	(1,052,626,770)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,336,982,594)	(2,482,000,014)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1,439,896,886)	(737,871,051)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1,400,000,000)	(4,549,025,031)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(24,062,104,211)	(33,381,608,329)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(14,182,147,358)	(4,407,234,043)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			15,454,545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(250,000,000)	(2,041,036,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			550,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1,700,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9,347,191	11,599,824
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14,422,800,167)	(7,571,215,674)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B09a-DN

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102073938 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006 và được đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 14 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính của Công ty là: kinh doanh các loại sơn, bột bả.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là: kinh doanh thương mại sắt thép.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít. Chi tiết: Sản xuất nước sơn, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Sản xuất mì ống, mỳ sợi và các sản phẩm tương tự;
- Bán buôn gạo; Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Chỉ gồm có: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chỉ gồm có: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ các thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chỉ gồm: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh; Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hóa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Dịch vụ phụ vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh: quầy bar);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận tải, vận chuyển hàng hóa;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán sơn nước, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B09a-DN

- dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông, hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
 - Hoàn thiện công trình xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty có các công ty con sau:**❖ Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101814871 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 26 tháng 01 năm 2018 .

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101814871 cấp ngày 26/01/2018 là 55.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi năm tỷ đồng chẵn ./.*)

Trụ sở tại Lô J7, đường số 5, KCN Hải Sơn (GD 3+4), xã Hoài Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>		<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>	
	Theo đăng ký kinh doanh	Thực góp	Trên đăng ký kinh doanh	Thực góp
Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	81,8%	81,8%	81,8%	81,8%

❖ Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108121031 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 08 tháng 01 năm 2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108121031 cấp ngày 08/01/2018 là 50.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn ./.*)

Trụ sở tại số 59, đường Thiên Đức, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>		<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>	
	Theo đăng ký kinh doanh	Thực góp	Trên đăng ký kinh doanh	Thực góp
Công ty Cổ phần Bewin & Coating Việt Nam	90%	100%	90%	100%

Công ty có các chi nhánh và đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Sơn miền Bắc	59 Thiên Đức, TT. Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/08/2018

Mẫu số B09a-DN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ riêng kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ .

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/08/2018

Mẫu số B09a-DN

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 năm
Phương tiện vận tải	05 - 06 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

4.5.2. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/08/2018

Mẫu số B09a-DN

147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Phần mềm kế toán

03 - 08 năm

4.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.9. Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/08/2018

Mẫu số B09a-DN

4.11. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.13. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

4.14. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.16. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/08/2018

Mẫu số B09a-DN

nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.18. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh số 8.7.

4.19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: kinh doanh các loại sơn, bột bả, keo chống thấm.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	30/06/2018	01/01/2018
Tiền mặt	10.099.588.452	7.192.461.387
Tiền gửi ngân hàng	16.351.603.582	61.779.232.332
Tiền đang chuyển	-	1.329.569.393
Cộng	26.451.192.034	70.301.263.112

5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG	30/06/2018	01/01/2018
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	29.090.483.232	24.095.783.247
- Công ty CP Bewin & Coating Việt Nam	4.548.833.577	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	24.541.649.655	24.095.783.247
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
- Công ty CP Bewin & Coating Việt Nam	4.548.833.577	-
- Công ty CP Bewin & Coating SG	74.863.530	-

5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	30/06/2018	01/01/2018
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.356.019.825	3.831.898.500
- Công ty Cổ phần Nguyên liệu Viglacera	750.000.000	750.000.000
- Công ty Cổ phần Eco Green Life Việt Nam	436.004.700	436.004.700
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	3.170.015.125	2.645.893.800
b) Trả trước cho người bán dài hạn		
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan		

5.4 . PHẢI THU VÊ CHO VAY	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	2.833.720.887	-	2.583.720.887	-
Phải thu về cho vay	2.833.720.887	-	2.583.720.887	-
- Bà Nguyễn Thị Phượng (1)	250.000.000	-	250.000.000	-
- Bà Nguyễn Văn Anh (2)	100.000.000	-	100.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Thêm	-	-	300.000.000	-
- Ông Nguyễn Trung Nam	-	-	250.000.000	-
- Đỗ Quý Công (3)	300.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	2.183.720.887	-	1.683.720.887	-

(1) Theo hợp đồng vay vốn số 05/2017/HĐVV-HSDA ngày 30/11/2017, giữa Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á và bà Nguyễn Thị Phượng số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay 1 năm, lãi suất 8%/năm.

(2) Theo hợp đồng vay vốn số 06/2017/HĐVV-HSDA ngày 25/12/2017, giữa Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á và bà Nguyễn Văn Anh số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 1 năm, lãi suất 8%/năm.

(3) Theo hợp đồng vay vốn số 02/2018/HĐVV-HSDA ngày 15/06/2018, giữa Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á và ông Đỗ Quý Công số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 1 năm, lãi suất 8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**Mẫu số B 09a-DN**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

5.5 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	34,764,509,814		18,020,515,535	
- Tạm ứng	12,441,100,142		4,629,279,740	
- Phải thu khác	22,323,409,672		13,391,235,795	
b) Dài hạn	163,200,000		163,200,000	
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	163,200,000		163,200,000	
- Phải thu khác				
c) Phải thu khác là các bên liên quan	1,425,650,000			
- Công ty Cổ phần Bewin &Coating SG	925,000,000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Bewin &Coating Việt Nam	500,650,000	-	-	-

5.6 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	14,412,791,449	-	15,031,535,838	-
Công cụ, dụng cụ	426,896,815	-	259,259,552	-
Chi phí SXKD dở dang	12,615,735,503	-	7,866,049,684	-
Thành phẩm nhập kho	10,496,670,469	-	4,686,217,095	-
Hàng hóa	666,714,265		875,457,012	
Hàng gửi bán	54,448,722		54,448,722	-
Cộng	38,673,257,223	-	28,772,967,903	-

5.6 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
b) Xây dựng cơ bản dở dang	292,914,466	292,914,466	286,595,466	286,595,466
+ Mua sắm TSCĐ	292,914,466	292,914,466	286,595,466	286,595,466

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỘC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

5.7 . NỢ XẤU

Đơn vị : VND

	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
- Các khoản phải thu ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Á Châu G8	192,880,615	57,864,185	(135,016,431)	192,880,615	57,864,185	(135,016,431)
Các công ty khác	990,813,672	297,244,102	(693,569,570)	990,813,672	297,244,102	(693,569,570)
Cộng	1,183,694,287	355,108,286	(828,586,001)	1,183,694,287	355,108,286	(828,586,001)

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

5.8 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	50,243,483,384		(*)	45,000,000,000		(*)
- Đầu tư vào Công ty con	50,243,483,384		(*)	45,000,000,000		(*)
+ Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG - tỷ lệ sở hữu 81,81%	45,000,000,000		(*)	45,000,000,000		(*)
+ Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam - tỷ lệ sở hữu 90%	5,243,483,384		(*)	-		(*)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con trong kỳ:

Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG tiền thân là Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á Sài Gòn hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh sơn.

Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam được thành lập theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐQT ngày 08/01/2018 với vốn điều lệ 50 tỷ đồng, tỉ lệ đăng kí góp vốn của Công ty vào Công ty con này là 90%, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh sơn.

Các giao dịch chủ yếu của Công ty với Công ty con:

Các giao dịch chủ yếu của Công ty với công ty con chủ yếu là mua bán tài sản, vỏ thùng sơn và các loại sơn.

(*) Xem Thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.6.iv - Giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

5.9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11,973,103,252	25,203,521,728	7,514,313,817	101,563,637	44,792,502,434
Tăng trong kỳ	108,847,909	4,684,594,268	9,317,895,272	64,490,909	14,175,828,358
- Mua trong kỳ	108,847,909	4,684,594,268	9,317,895,272	64,490,909	14,175,828,358
Giảm trong kỳ		(4,891,423,826)			(4,891,423,826)
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác		(4,891,423,826)			(4,891,423,826)
Số dư cuối kỳ	12,081,951,161	34,779,539,822	16,832,209,089	166,054,546	54,076,906,966
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3,345,841,652	12,588,482,620	5,991,919,148	101,563,637	22,027,807,057
Tăng trong kỳ	229,221,710	1,846,255,391	513,402,236	1,074,848	2,589,954,185
- Số khấu hao trong kỳ	229,221,710	1,846,255,391	513,402,236	1,074,848	2,589,954,185
- Tăng khác					
Giảm trong kỳ		(474,940,442)			(474,940,442)
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác		(474,940,442)			(474,940,442)
Số dư cuối kỳ	3,575,063,362	14,909,678,453	6,505,321,384	102,638,485	24,142,820,800
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	8,627,261,600	12,615,039,108	1,522,394,669		22,764,695,377
2. Tại ngày cuối kỳ	8,506,887,799	19,869,861,369	10,326,887,705	63,416,061	29,934,086,166

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 21.843.999.852 VND
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.887.875.592 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

5.10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm			4,097,870,909		4,097,870,909
Tăng trong kỳ					
- Thuê tài chính trong kỳ					
Giảm trong kỳ					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ			4,097,870,909		4,097,870,909
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm			787,306,827		787,306,827
Tăng trong kỳ			341,489,221		341,489,221
- Số khấu hao trong kỳ			341,489,221		341,489,221
- Tăng khác					
Giảm trong kỳ					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ			1,128,796,048		1,128,796,048
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm			3,310,564,082		3,310,564,082
2. Tại ngày cuối kỳ			2,969,074,861		2,969,074,861

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

5.11 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm			-	40,212,000		40,212,000
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ						-
- Tăng khác						-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	40,212,000	-	40,212,000
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm			-	11,393,400		11,393,400
Tăng trong kỳ	-	-	-	4,021,200	-	4,021,200
- Số khấu hao trong kỳ				4,021,200		4,021,200
- Tăng khác						-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	15,414,600	-	15,414,600
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	28,818,600	-	28,818,600
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	24,797,400	-	24,797,400

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**Mẫu số B 09a-DN**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

5.12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2018	01/01/2018
a) Ngắn hạn	3,996,388,846	2,101,675,692
- Chi phí quảng cáo	2,686,633,200	69,057,917
- Các khoản khác	1,309,755,646	2,032,617,775
b) Dài hạn	5,881,948,586	6,439,679,146
- Chi phí quảng cáo	5,429,401,067	5,829,489,068
- Chi phí dài hạn khác	452,547,519	610,190,078
Cộng	9,878,337,432	8,541,354,838

5.13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	16,729,622,712	16,729,622,712	20,861,177,637	20,861,177,637
- Công ty TNHH Connell Bross	463,943,844	463,943,844	6,047,792,605	6,047,792,605
- Công ty Cổ phần Việt Com	2,409,642,920	2,409,642,920	1,095,822,907	1,095,822,907
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ngọc Sơn	697,003,175	697,003,175	2,056,309,175	2,056,309,175
- Phải trả cho các đối tượng khác	13,159,032,773	13,159,032,773	11,661,252,950	11,661,252,950
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	123,699,621	123,699,621	123,699,621	123,699,621
- Công ty TNHH TM Quảng Ngà	27,629,620	27,629,620	27,629,620	27,629,620
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô	20,000,000	20,000,000	20,000,000	20,000,000
- Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàng Phát	38,000,000	38,000,000	38,000,000	38,000,000
- Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Yến	38,070,001	38,070,001	38,070,001	38,070,001
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	414,941,389	414,941,389	278,396,025	278,396,025
- Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	414,941,389	414,941,389	278,396,025	278,396,025

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

5.14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2,818,708,700	2,818,708,700	1,674,096,420	1,674,096,420
- Doanh nghiệp tư nhân Thanh Sơn	4,718,509	4,718,509	244,349,914	244,349,914
- Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam CN Đà Nẵng	803,171,583	803,171,583	-	-
- Đối tượng khác	2,010,818,608	2,010,818,608	1,429,746,506	1,429,746,506
b) Người mua trả tiền trước dài hạn				
c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	-	-	52,647,935	52,647,935
- Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam CN Đà Nẵng	803,171,583	803,171,583	-	-

5.15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp, bù trừ trong kỳ	30/06/2018
a) Phải nộp	5,638,255,836	8,981,069,463	11,240,679,027	3,378,646,272
- Thuế GTGT	3,082,581,051	6,879,984,243	9,555,225,928	407,339,366
- Thuế TNDN	2,377,179,279	1,289,062,020	1,400,000,000	2,266,241,299
- Thuế TNCN	178,495,506	812,023,200	285,453,099	705,065,607
b) Phải thu	Đầu năm	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	Cuối năm
- Thuế thu nhập cá nhân	6,324,741	7,111,045	7,674,445	6,888,141

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2018	01/01/2018
a) Ngắn hạn	550,000,000	500,000,000
- Trích trước chi phí kiểm toán	50,000,000	80,000,000
- Các khoản trích trước khác	500,000,000	420,000,000
b) Dài hạn	-	-

5.16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2018	01/01/2018
a) Ngắn hạn	7,211,653,414	18,616,396,744
- Kinh phí công đoàn	67,845,746	40,260,849
- Bảo hiểm xã hội	428,303,578	212,277,413
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Phải trả, phải nộp khác	6,013,569,409	18,250,980,599
- Phải thu khác	346,670,277	35,277,118
- Tạm ứng	355,264,404	77,600,765
b) Dài hạn	2,170,430,120	220,430,120
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2,170,430,120	220,430,120
- Phải trả, phải nộp khác	-	-
c) Phải trả khác là các bên liên quan	4,700,000,000	3,900,000,000
- Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	4,700,000,000	3,900,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

5.17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	30/06/2018		Trong kỳ		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	35,825,129,890	35,825,129,890	41,638,528,227	39,488,246,753	33,674,848,416	33,674,848,416
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (1)	14,946,028,287	14,946,028,287	19,151,045,900	19,290,199,098	15,085,181,485	15,085,181,485
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (2)	3,680,125,334	3,680,125,334	3,680,125,334	3,564,463,157	3,564,463,157	3,564,463,157
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (3)	17,198,976,269	17,198,976,269	18,807,356,993	16,604,695,602	14,996,314,878	14,996,314,878
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	-	28,888,896	28,888,896	28,888,896
b) Vay dài hạn	6,785,783,337	6,785,783,337	7,046,600,000	260,816,663	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (4)	2,303,600,000	2,303,600,000	2,433,600,000	130,000,000	-	-
Ngân hàng TMCP Pulic Vietnam (5)	4,482,183,337	4,482,183,337	4,613,000,000	130,816,663	-	-
Cộng	42,610,913,227	42,610,913,227	48,685,128,227	39,749,063,416	33,674,848,416	33,674,848,416

c) Các khoản nợ thuê tài chính

	30/06/2018			01/01/2018		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê tài chính	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê tài chính	Trả nợ gốc
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công Thương Việt Nam (6)	1,829,566,851	145,906,851	1,683,660,000	2,511,060,957	221,400,957	2,289,660,000
<i>Từ 1 năm trở xuống</i>	683,688,016	106,408,016	577,280,000	1,334,268,213	150,988,213	1,183,280,000
<i>Từ 1 năm đến 5 năm</i>	1,145,878,835	39,498,835	1,106,380,000	1,176,792,744	70,412,744	1,106,380,000
Cộng	1,829,566,851	145,906,851	1,683,660,000	2,511,060,957	221,400,957	2,289,660,000

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2017/4729252/HĐTĐ ngày 18 tháng 08 năm 2017 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung, tổng hạn mức 27 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

(2) Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDH/2012/0057 ngày 16/11/2012 và phụ lục hợp đồng ký ngày 05/04/2017 giữa Công ty và Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng, hạn mức tín dụng là 4 tỷ đồng, thời hạn vay không quá 12 tháng, lãi suất quy định trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động.

(3) Hợp đồng tín dụng số 274/2017-HĐCVHM/NHCT131-SĐA ngày 11 tháng 10 năm 2017 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức 20 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7,8%/năm, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh sơn, bột bả, bột chét tường.

(4) Hợp đồng tín dụng số 40/2018-HĐCVDADT/NHCT131-SĐA ngày 09 tháng 02 năm 2018 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội, tổng hạn mức 2,4336 tỷ đồng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất thả nổi theo quy định của NHCT từng thời điểm, mục đích vay bổ sung tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

(5) Hợp đồng tín dụng số HAN000064/18 ngày 22 tháng 06 năm 2018 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP MTV PUBLIC Việt Nam - CN Hà Nội, tổng hạn mức 4,613 tỷ đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất thả nổi theo quy định của NHCT từng thời điểm, mục đích vay bổ sung tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

(6) Nợ thuê tài chính tại Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công Thương Việt Nam:

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.075/2015/TSC-CTTC ngày 30 tháng 10 năm 2015 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 992.480.000 đồng, thời hạn cho thuê là 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.044/2016/TSC-CTTC ngày 29 tháng 07 năm 2016 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 645.680.000 đồng, thời hạn cho thuê là 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.002/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 01 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 790.000.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.027/2017/TSC-CTTC ngày 05 tháng 06 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 644.480.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.033/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 01 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 484.560.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.

- Hợp đồng thuê tài chính số 02.062/2017/TSC-CTTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam với tổng hạn mức cho thuê là 677.280.000 đồng, thời hạn cho thuê 36 tháng, lãi suất quy định trong từng thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

5.18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	115,000,000,000	41,545,455	-	10,899,319,177		15,457,354,349	141,398,218,981
Tăng vốn năm trước	-						-
Lãi trong năm trước						13,574,742,088	13,574,742,088
Tăng khác				1,200,000,000		762,538,353	1,962,538,353
Giảm vốn trong năm trước							-
Lỗ trong năm trước							-
Giảm khác						-17,150,775,153	-17,150,775,153
<i>Phân phối lợi nhuận</i>						-16,219,892,902	-16,219,892,902
<i>Giảm khác</i>						-930,882,251	-930,882,251
Số dư cuối năm trước	115,000,000,000	41,545,455	-	12,099,319,177	-	12,643,859,637	139,784,724,269
Tăng vốn trong kỳ này							-
Lãi trong kỳ này						4,145,358,684	4,145,358,684
Công ty con phân phối lợi nhuận (1)						5,146,466,686	5,146,466,686
<i>Trích lập các quỹ</i>				11,943,859,637			11,943,859,637
Giảm vốn trong kỳ này							-
Giảm khác						-12,645,609,607	-12,645,609,607
<i>Phân phối lợi nhuận (2)</i>						-12,643,859,637	-12,643,859,637
<i>Giảm khác</i>						-1,749,970	-1,749,970
Số dư cuối kỳ	115,000,000,000	41,545,455	-	24,043,178,814	-	9,290,075,400	148,374,799,669

(1) Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 cho công ty mẹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ-BCSG ngày 31 tháng 03 năm 2018.

(2) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 06 năm 2018, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập Quỹ đầu tư phát triển số tiền 17.790.326.323 VND bao gồm cả phần lợi nhuận được phân phối từ Công ty con. Đến 30/06/2018, do Công ty con chưa thực hiện điều chuyển phần lợi nhuận này về Công ty nên Công ty chỉ phân phối lợi nhuận trên phần lợi nhuận chưa phân phối của Công ty số tiền 12.643.859.637 VND. Số lợi nhuận từ công ty con còn phải phân phối sẽ được phân phối sau khi công ty con điều chuyển lợi nhuận về công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	30/06/2018	01/01/2018
Vốn góp của Nhà nước			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	115,000,000,000	115,000,000,000
Cộng		115,000,000,000	115,000,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	115,000,000,000	115,000,000,000
- Vốn góp tăng trong kỳ		
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	115,000,000,000	115,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-

d) Cổ phiếu	30/06/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11,500,000	11,500,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11,500,000	11,500,000
- Cổ phiếu phổ thông	11,500,000	11,500,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11,500,000	11,500,000
- Cổ phiếu phổ thông	11,500,000	11,500,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng	10.000 đồng

e) Các quỹ của doanh nghiệp	30/06/2018	01/01/2018
- Quỹ đầu tư phát triển	24,043,178,814	12,099,319,177
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

5.19 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
a) Doanh thu	68,559,225,026	52,602,992,888
- Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh sơn	62,599,151,723	47,459,472,243
- Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh bột bả	3,055,540,348	3,124,617,778
- Doanh thu từ sản xuất và kinh doanh keo chống thấm	2,620,397,955	2,018,902,867
- Doanh thu khác	284,135,000	
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	17,739,000,112	1,526,961,250
- Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	843,192,240	1,526,961,250
- Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	16,895,807,872	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**Mẫu số B 09a-DN**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Giá vốn của hàng đã bán	40,665,787,111	30,109,998,257
- Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh sơn	37,416,875,157	27,165,842,627
- Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh bột bả	1,748,993,917	1,788,533,897
- Giá vốn từ sản xuất và kinh doanh keo chống thấm	1,499,918,037	1,155,621,733

6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Lãi tiền gửi, cho vay	9,347,191	11,599,824
Cộng	9,347,191	11,599,824

6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Lãi tiền vay	1,439,896,886	737,871,051
Chiết khấu thanh toán	1,771,281,445	-
Cộng	3,211,178,331	737,871,051

6.6 . THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	15,454,545
- Thu nhập khác	-	197,106,569
Cộng	-	212,561,114

6.7 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
- Các khoản khác	-	45,687,047
Cộng	-	45,687,047

6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	5,263,634,507	4,118,631,363
Chi phí nhân công quản lý	2,759,853,347	2,179,134,897
Chi phí khấu hao tài sản cố định	333,924,443	713,037,703
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2,169,856,717	1,226,458,763
b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	13,993,551,564	14,053,915,216
Chi phí nhân viên	5,109,190,461	5,175,745,050
Chi phí quảng cáo	4,493,375,793	4,802,468,861
Chi phí bán hàng khác	4,390,985,310	4,075,701,305

6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39,553,714,076	30,222,135,240
Chi phí nhân công	10,176,534,561	10,057,288,887
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,609,042,089	2,082,564,731
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,928,214,482	5,588,445,615
Chi phí bằng tiền khác	11,773,672,328	13,417,322,028
Cộng	72,041,177,536	61,367,756,501

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**Mẫu số B 09a-DN**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5,434,420,704	3,761,050,892
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	1,010,889,395	-
+ <i>Chi phí không được trừ</i>		-
+ <i>Lỗ của chi nhánh</i>	1,010,889,395	
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	(929,993,019)
Tổng thu nhập chịu thuế	6,445,310,099	2,831,057,873
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	1,289,062,020	566,211,575

7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính giữa riêng niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiên, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN**8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Kỳ này

CHỈ TIÊU	Sản xuất và kinh doanh sơn	Sản xuất và kinh doanh bột bả	Sản xuất và kinh doanh keo chống thấm	Doanh thu khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu	62,599,151,723	3,055,540,348	2,620,397,955	284,135,000	68,559,225,026
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	37,416,875,157	1,748,993,917	1,499,918,037	-	40,665,787,111
Lợi nhuận gộp	25,182,276,566	1,306,546,431	1,120,479,918	284,135,000	27,893,437,915
Tổng giá trị còn lại của tài sản					229,141,509,718
Nợ phải trả					80,766,710,049
<i>Tổng chi phí đã phát sinh trong kỳ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)</i>					14,175,828,358
<i>Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>					6,360,160,713
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn</i>					

Kỳ trước

CHỈ TIÊU	Sản xuất và kinh doanh sơn	Sản xuất và kinh doanh bột bả	Sản xuất và kinh doanh keo chống	TỔNG CỘNG
Doanh thu	47,459,472,243	3,124,617,778	2,018,902,867	52,602,992,888
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	27,165,842,627	1,788,533,897	1,155,621,733	30,109,998,257
Lợi nhuận gộp	20,293,629,616	1,336,083,881	863,281,134	22,492,994,631
Tổng giá trị còn lại của tài sản				210,461,767,046
Nợ phải trả				87,094,392,018
<i>Tổng chi phí đã phát sinh trong kỳ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)</i>				4,407,234,043
<i>Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>				4,564,564,746
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn</i>				

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiên, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

8.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại thị trường trong nước tại miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Chi tiết kết quả kinh doanh theo từng khu vực như sau:

Kỳ này

CHỈ TIÊU	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	TỔNG CỘNG
Doanh thu	63,802,706,278	4,756,518,748	-	68,559,225,026
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	37,859,441,050	2,806,346,061	-	40,665,787,111
Lợi nhuận gộp	25,943,265,228	1,950,172,687	-	27,893,437,915

Kỳ trước

CHỈ TIÊU	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	TỔNG CỘNG
Doanh thu	45,554,299,285	7,048,693,603	-	52,602,992,888
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	26,075,319,992	4,034,678,265	-	30,109,998,257
Lợi nhuận gộp	19,478,979,293	3,014,015,338	-	22,492,994,631

8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ

8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

8.6 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)**Mẫu số B 09a-DN**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 30/06/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	26,451,192,034		26,451,192,034
Phải thu khách hàng	29,090,483,232	-	29,090,483,232
Đầu tư	-	50,243,483,384	50,243,483,384
Phải thu khác	34,764,509,814	163,200,000	34,927,709,814
Trừ:	(828,586,001)	-	(828,586,001)
Dự phòng phải thu khó đòi	(828,586,001)	-	(828,586,001)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	91,134,771,081	50,406,683,384	141,541,454,465
Ngày 30/06/2018			
Các khoản vay và nợ	36,402,409,890	7,892,163,337	44,294,573,227
Phải trả người bán	16,729,622,712		16,729,622,712
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	7,761,653,414	2,170,430,120	9,932,083,534
Tổng cộng	60,893,686,016	10,062,593,457	70,956,279,473
Chênh lệch thanh khoản thuần	30,241,085,065	40,344,089,927	70,585,174,992
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 01/01/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	70,301,263,112		70,301,263,112
Phải thu khách hàng	24,095,783,247	-	24,095,783,247
Đầu tư	-	45,000,000,000	45,000,000,000
Phải thu khác	18,020,515,535	163,200,000	18,183,715,535
Trừ:	(828,586,001)	-	(828,586,001)
Dự phòng phải thu khó đòi	(828,586,001)	-	(828,586,001)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	113,246,147,895	45,163,200,000	158,409,347,895
Ngày 01/01/2018			
Các khoản vay và nợ	34,858,128,416	1,106,380,000	35,964,508,416
Phải trả người bán	20,861,177,637	-	20,861,177,637
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	19,116,396,744	220,430,120	19,336,826,864
Tổng cộng	74,835,702,797	1,326,810,120	76,162,512,917
Chênh lệch thanh khoản thuần	38,410,445,098	43,836,389,880	82,246,834,978

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN HĂNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ được tính bằng giá gốc trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2018	01/01/2018	30/06/2018	01/01/2018
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Các khoản phải thu về cho vay	2,833,720,887	2,583,720,887	2,833,720,887	2,583,720,887
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63,026,407,045	41,287,712,781	63,026,407,045	41,287,712,781
Tài sản tài chính khác				
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	50,243,483,384	45,000,000,000	(*)	(*)
Tiền và các khoản tương đương tiền	26,451,192,034	70,301,263,112	26,451,192,034	70,301,263,112
Tổng cộng	142,554,803,350	159,172,696,780	(*)	(*)
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	42,610,913,227	33,674,848,416	42,610,913,227	33,674,848,416
Phải trả người bán	16,729,622,712	20,861,177,637	16,729,622,712	20,861,177,637
Phải trả khác	9,382,083,534	18,836,826,864	9,382,083,534	9,382,083,534
Tổng cộng	68,722,619,473	73,372,852,917	68,722,619,473	63,918,109,587

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

(*): Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 104, ngõ 140, đường Khuất Duy Tiến, p.Nhân Chính, q.Thanh Xuân, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

8.7 Thông tin về các bên liên quan**a) Các bên liên quan**

Trong kỳ tài chính và tại ngày kết thúc kỳ tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	Lô J7 đường số 5, KCN Hải Sơn, Hoài Hạ, Đức Hòa, Long An	Công ty con
Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	59 Thiên Đức, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	Công ty con

Giao dịch với các bên liên quan

Ngoài thuyết minh giao dịch với các bên liên quan đã nêu trên, trong kỳ tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị
Công ty Cổ phần Bewin & Coating SG	Bán hàng	927.511.465
	Thu tiền hàng	800.000.000
	Mua hàng	79.691.480
Công ty Cổ phần Bewin & Coating Vietnam	Nhận góp vốn bằng tài sản	5.243.483.384
	Bán hàng	18.585.388.660
	Thu tiền hàng	14.839.726.666

Đơn vị tính: VND

b) Thủ lao chi trả trong kỳ cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	335.561.600
Ông Trần Tuấn Kinh	Phó Tổng giám đốc	204.135.370
Tổng cộng		539.696.970

8.8 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Hãng sơn Đông Á và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

8.9 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ riêng này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.10 Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2018

Người lập



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn